

Số: **3575**/BT-TT-THH

Hà Nội, ngày **23** tháng **10** năm 2018

V/v hướng dẫn một số nội dung của  
Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nội dung về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để triển khai Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg tại Phụ lục kèm theo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Tin học hóa) để được hướng dẫn.

Trân trọng./. *lanh*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Đơn vị chuyên trách về CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công thông tin điện tử Bộ TT&TT;
- Lưu: VT, THH (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thành Hưng**

## PHỤ LỤC

### HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Văn bản số: **3575** /BTTTT-THH ngày **23** tháng **10** năm 2018  
của Bộ Thông tin và Truyền thông)

#### I. Đối với nguồn vốn chi đầu tư phát triển

Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin bằng nguồn vốn chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

#### II. Đối với nguồn kinh phí chi sự nghiệp

1. Dịch vụ công nghệ thông tin được phân loại theo tính sẵn có trên thị trường:

1.1. Dịch vụ công nghệ thông tin có sẵn trên thị trường là dịch vụ công nghệ thông tin được giao ngay khi có nhu cầu mà không phải thông qua đặt hàng để thiết kế, gia công, chế tạo, sản xuất; đã được công khai về giá, mô tả chức năng, tính năng kỹ thuật, công nghệ trên công/trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc thông qua phương tiện khác được nhiều người tiếp cận.

1.2. Dịch vụ công nghệ thông tin không có sẵn trên thị trường là dịch vụ công nghệ thông tin được đặt hàng theo các yêu cầu riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của cơ quan, đơn vị; hay nói cách khác là việc cơ quan, đơn vị thuê tổ chức, cá nhân thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu đặc thù của cơ quan, đơn vị; sau khi hoàn thành hệ thống hoặc hạng mục của hệ thống công nghệ thông tin, tổ chức, cá nhân đó tổ chức quản trị, vận hành để cung cấp dịch vụ cho cơ quan, đơn vị thuê hoặc bàn giao cho cơ quan, đơn vị thuê tự tổ chức quản trị, vận hành trong một thời hạn nhất định.

2. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin không có sẵn trên thị trường bằng nguồn kinh phí chi sự nghiệp (nguồn kinh phí được giao để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên, không thực hiện chế độ tự chủ) được thực hiện như sau:

##### 2.1. Lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin

Chủ trì thuê dịch vụ công nghệ thông tin (sau đây gọi là Chủ trì thuê dịch vụ) tổ chức lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Trong kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin cần thuyết minh rõ các nội dung về xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin, bao gồm:

- Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ;

- Mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ (phần mềm đặt hàng);
- Phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu và giải pháp đảm bảo an toàn thông tin đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và cơ sở dữ liệu.

## 2.2. Xác định dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin

### 2.2.1. Xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin

Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin được xác định căn cứ theo điểm a Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg.

Đối với việc xác định chi phí thuê dịch vụ căn cứ trên giá cung cấp dịch vụ của ít nhất 03 đơn vị cung cấp khác nhau: Chủ trì thuê dịch vụ xác định và yêu cầu tối thiểu 03 tổ chức, cá nhân nghiên cứu, xây dựng báo giá trên cơ sở nội dung về yêu cầu chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin cần thuê, gửi Chủ trì thuê dịch vụ vào cùng một thời điểm do Chủ trì thuê dịch vụ quy định. Đồng thời, các tổ chức, cá nhân nói trên công bố công khai giá, mô tả chức năng, tính năng kỹ thuật, công nghệ của dịch vụ đó trên cổng/trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc thông qua phương tiện khác được nhiều người tiếp cận.

Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin để Chủ trì thuê dịch vụ tham khảo trong việc xem xét, đánh giá báo giá của các tổ chức, cá nhân. Cụ thể phương pháp tính chi phí như sau:

Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin bình quân mỗi năm được xác định theo công thức:

$$G_t = G_{dv} + Q_l + B_t + G_k$$

Trong đó:

$G_t$ : chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin bình quân mỗi năm (đồng/năm)

$G_{dv}$ : chi phí đầu tư xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ được tính hàng năm (đồng/năm)

$Q_l$ : chi phí vận hành dịch vụ hàng năm (đồng/năm)

$B_t$ : chi phí bảo trì dịch vụ hàng năm (đồng/năm)

$G_k$ : các chi phí thuê dịch vụ sẵn có, chi phí khác liên quan đến xây dựng, phát triển, cung cấp dịch vụ (đồng/năm).

-  $G_{dv}$  được tính theo công thức:

$$G_{dv} = \frac{T_d * r * (1 + r)^n - S * r}{(1 + r)^n - 1}$$

Trong đó:

+  $T_d$ : chi phí đầu tư xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ công nghệ thông tin. Chi phí này là toàn bộ chi phí dự tính để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật (*trong trường hợp thuê dịch vụ hệ thống hạ tầng kỹ thuật*), phần mềm và cơ sở dữ liệu (*trong trường hợp thuê dịch vụ phần mềm và cơ sở dữ liệu*) (đồng).

+  $r$ : mức lãi suất cho thuê hàng năm (%/năm) được xác định:

- Không vượt quá 1,5 lần mức bình quân đơn giản của lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn tương ứng với thời gian thuê dịch vụ (trường hợp không có kỳ hạn tương ứng thì lấy theo kỳ hạn gần nhất) trong thời gian 06 tháng trước thời điểm lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin; hoặc

- Không vượt mức bình quân đơn giản của mức lãi suất huy động có kỳ hạn tương ứng với thời gian thuê dịch vụ (trường hợp không có kỳ hạn tương ứng thì lấy theo kỳ hạn gần nhất) của 04 ngân hàng gồm: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

+  $S$ : giá trị còn lại của dịch vụ (không bao gồm phần mềm đặt hàng) tại thời điểm kết thúc thời gian thuê sau khi trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính (sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng) (đồng).

+  $n$ : số năm thuê dịch vụ.

$G_{dv}$  theo công thức trên được tính trên cơ sở thanh toán cuối mỗi năm thuê.

-  $Q_l$ ,  $B_t$  và  $G_k$  được xác định bằng cách lập dự toán hoặc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg.

2.2.2. Chi phí quản lý, chi phí tư vấn và chi phí khác được xác định bằng cách lập dự toán hoặc vận dụng định mức do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, công bố đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin hoặc các văn bản hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành cho phù hợp.

2.2.3. Thuế giá trị gia tăng được tính theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng áp dụng với từng đối tượng chịu thuế.